TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Lê Thị Nhớ**
2. **Bà Nguyễn Thị Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Minh Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 563/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huỳnh T, sinh năm 1981; Trú tại: K21/61 Nguyễn Văn H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đàm Đình H, sinh năm 1979; Trú tại: K21/61 Nguyễn Văn H, tổ 55 T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là bà Phạm Thị Huỳnh T trình bày:***

Tôi và ông Đàm Đình H kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tôi xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất hòa và những mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Đàm Đình H.

* Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đàm Như H, sinh ngày 15/11/2002 và Đàm Nhã Tr, sinh ngày 19/01/2008.

Nay ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai con.

* Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Tôi xác định không có.

**** Trong bản tự khai, tại phiên hòa giải, ông Đàm Đình H trình bày:***

Tôi và bà Phạm Thị Huỳnh T kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này không trầm trọng và có thể giải quyết được. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý và đề nghị vợ chồng đoàn tụ.

* Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đàm Như H, sinh ngày 15/11/2002 và Đàm Nhã Tr, sinh ngày 19/01/2008.

Nếu ly hôn, tôi giao 02 con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai con.

* Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Tôi xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà Thi ly hôn với ông Hiệp. Các vấn đề khác các đương sự thỏa thuận được nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Phan Thị Huỳnh T và ông Đàm Đình H là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân dự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đàm Đình H và bà Phạm Thị Huỳnh T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh

Khê, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống ông H và bà T đã phát sinh mâu thuẫn. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống và tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị Huỳnh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu ly hôn với ông Đàm Đình H. Ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải ông Hiệp xác định vợ chồng ông có mâu thuẫn nhưng cho rằng mâu thuẫn này không lớn, có thể hàn gắn được và có nguyện vọng được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng bà Thi ông H thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài đến nay, vợ chồng đã không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, từ lâu hai người không ai có trách nhiệm gì với nhau. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông H nhiều lần không đến Tòa án để giải quyết sự việc chứng tỏ ông H không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Huỳnh T về việc ly hôn với ông Đàm Đình H là phù hợp.

Về con chung, ông Hiệp và bà Thi có 02 con chung là Đàm Như H, sinh ngày 15/11/2002 và Đàm Nhã Tr, sinh ngày 19/01/2008. Tại phiên hòa giải, ông H bà T thỏa thuận nếu ly hôn ông H đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên tên là Đàm Như H, sinh ngày 15/11/2002 và Đàm Nhã Tr, sinh ngày 19/01/2008 cho bà Phạm Thị Huỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Đàm Đình H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 02 con. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02.2018, cấp dưỡng vào ngày 30 dương lịch hằng tháng. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của hai con chung thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, bà T ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về nợ chung: Không có.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Huỳnh T phải chịu 300.0000đ. Án phí về khoản cấp dưỡng nuôi con định kỳ ông Đàm Đình H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82 và 85 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Huỳnh T về việc "Ly hôn" đối với ông Đàm Đình H.

2. **Xử:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Huỳnh T được ly hôn với ông Đàm Đình H

* Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên là Đàm Như H, sinh ngày 15/11/2002 và Đàm Nhã Tr, sinh ngày 19/01/2008 cho bà Phạm Thị Huỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Đàm Đình H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 02 con. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02.2018, cấp dưỡng vào ngày 30 dương lịch hằng tháng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Huỳnh T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đàm Đình H còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn còn mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Phạm Thị Huỳnh T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 7631 ngày 24.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí về khoản cấp dưỡng nuôi con định kỳ ông Đàm Đình H phải chịu là 300.000 đồng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường V;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường